

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày 30-7-2020
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đồng Nhân;

Bà Huỳnh Ngọc Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Ngọc M, sinh năm 1993 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã Tam Giang Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã Tam Giang Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 3 năm 2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trương Ngọc M trình bày yêu cầu:*

Về hôn nhân: Bà M và ông H có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2010. Đến năm 2012, hôn nhân mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Tam Giang Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Lý do ly hôn: Quá trình chung sống, lúc đầu vợ chồng hạnh phúc, thời gian gần đây giữa vợ, chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do ông H hay đi nhậu về rồi xảy ra cự cãi, bà M khuyên can nhưng ông H không sửa đổi. Hôn nhân được gia đình hai bên hàn gắn nhưng không thành. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà M yêu cầu ly hôn với ông H.

- Về nuôi con: Có 01 người con chung tên Trần Văn T, sinh ngày 11/10/2012 (nam), hiện nay đang sống chung cùng gia đình. Bà M yêu cầu được nuôi con; việc cấp dưỡng nuôi con tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về chia tài sản và công nợ: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 25 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Văn H trình bày:*

- Về hôn nhân: Thời điểm kết hôn và quá trình chung sống như bà M trình bày là đúng. Ông H xác định là vợ chồng có mâu thuẫn nhưng không lớn, trường hợp hàn gắn hôn nhân, ông H hứa sẽ sửa đổi.

- Về nuôi con: Có 01 người con chung tên Trần Văn T, sinh ngày 11/10/2012 (nam), hiện nay đang sống chung cùng gia đình. Trường hợp ly hôn thì giao con cho bà M nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và công nợ: Tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Bà M bảo lưu quan điểm nêu trên, cương quyết yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H. Từ ngày 25/5/2020 ông H đi làm ở tỉnh Đồng Nai và đưa cháu T theo sống cùng, vợ chồng ly thân từ đó đến nay, ngoài ra không có yêu cầu khác.

Ông H vắng mặt nên không có ý kiến khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng

Tại đơn khởi kiện (Về việc xin ly hôn) ngày 18 tháng 3 năm 2020, bà M yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H, yêu cầu nuôi con; đây là tranh chấp ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; ông H cư trú tại ấp M, xã Tam Giang Đ, huyện N, tỉnh Cà Mau nên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ông Trần Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử và Giấy triệu tập đương sự tham gia phiên xét xử sơ thẩm nhưng vắng mặt (lần 02) không lý do nên xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án

- Về hôn nhân: Bà M và ông H có thời gian tìm hiểu và kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2010. Đến năm 2012, hôn nhân mới đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã Tam Giang Đ, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau, Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2012, ngày 25/6/2012. Vì vậy, quan hệ hôn nhân của bà Trương Ngọc M và ông Trần Văn H được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống giữa bà M và ông H xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể khắc phục, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm dẫn đến mất hạnh phúc. Nay xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên bà M yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn H, ông H không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với bà M. Bà M và ông H ly thân từ ngày 25/5/2020 đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy, hôn nhân giữa bà M và ông H đã được Tòa án hòa giải nhưng đến nay tình trạng mâu thuẫn vẫn không được cải thiện, chứng tỏ mâu thuẫn hôn nhân giữa bà M và ông H đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trương Ngọc M đối với ông Trần Văn H theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về nuôi con: Có 01 người con chung tên Trần Văn T, sinh ngày 11/10/2012 (nam), hiện cháu T đang sống với ông H. Khi ly hôn, bà M và ông H thống nhất giao cháu T cho bà M nuôi dưỡng, việc thỏa thuận giữa hai đương sự phù hợp với nguyện vọng của cháu T, đã được Tòa án ghi nhận vào ngày 24/4/2020 và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử ghi nhận. Ông H có trách nhiệm giao lại cháu Trần Văn T cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung và công nợ: Hai đương sự tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ vào Điều 5 của Bộ luật tố tụng dân sự quy định “*Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó*”, do đương sự không đặt ra yêu cầu nên không xem xét là có cơ sở.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch bà Trương Ngọc M phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà M được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Cho bà Trương Ngọc M ly hôn với ông Trần Văn H.

- Về nuôi con: Giao cháu Trần Văn T, sinh ngày 11/10/2012 (nam) cho bà Trương Ngọc M trực tiếp nuôi dưỡng, do hiện nay cháu T đang sống với ông H nên ông H có trách nhiệm giao lại cháu T cho bà M.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

- Việc cấp dưỡng nuôi con, về chia tài sản chung và công nợ: Hai đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, bà Trương Ngọc M phải chịu 300.000 đồng, bà M được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007127 ngày 20 tháng 4 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Cơ quan tiến hành việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền